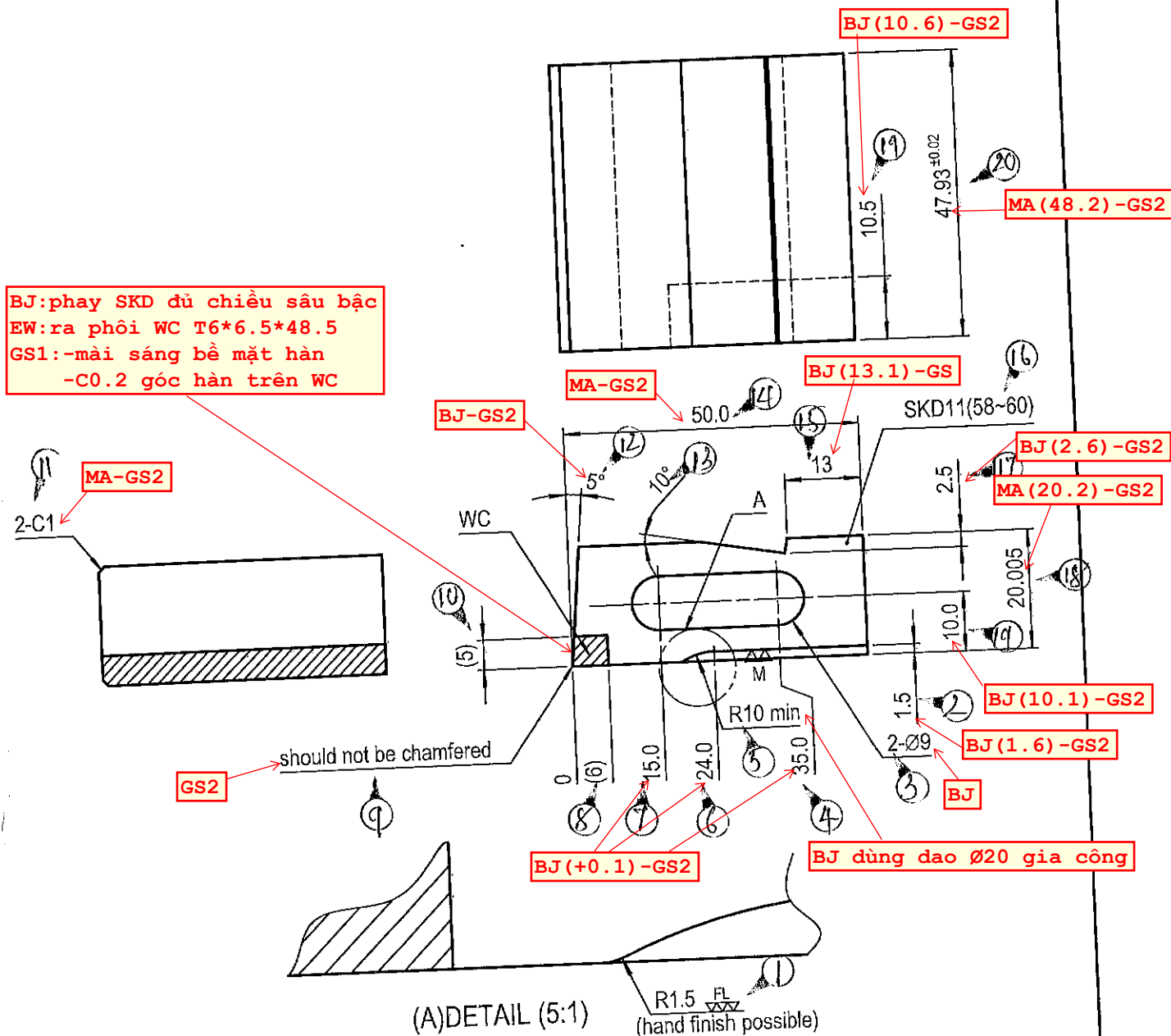
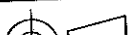


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2020/12/29	トライより寸法変更(S154371→R398207)	VDM-XLB-2012-011	Wu_Chin_Wuu	Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△							0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△							0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△							0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
							0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
									0.0 -0	+0.1 -0
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
							FINISH MARKS			
							G (FL M) ▽▽▽ (▽▽▽ ▽▽▽)			

C2 A GP GS2 AF



CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Rung	SKD11+WC(D30/HIP)		部品図 PART DRAWING	カットダイ CUT DIE
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品図	切割下模
Wu_Chin_Wuu		1:1	部品圖	切割下模
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Wu_Chin_Wuu	HRC 58 ~60	A4V	2020/12/29	R398207
MABUCHI MOTOR CO., LTD.				

8 KD 11 T 22 X 58 X 60
WC T 6 X 8 X 57

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414 211 0435

SNO: **R398207**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11:T22*55*53 WCD30:T6*7*50	AA:20 MA:30 BJ:90 HT:40 EW:60 GS1:30 WG:30 GS2:120 AF:10 KT